



HỒ SƠ NĂNG LỰC

COMPANY CAPACITY PROFILE

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÉP INDECO

INDECO STEEL TRADING CORPORATION

Trụ sở chính: 140B Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Address: 140B Nguyen Van Troi, Ward 8, District Phu Nhuan, Ho Chi Minh City

ĐT/Tel: 028 3854 9667 – Fax: 028 3853 8808

Website: indecosteel.com.vn

MST/Tax Code: 0 3 1 3 5 6 2 0 1 4

Công ty tại Hậu Giang: **CÔNG TY TNHH THÉP INDECO MIỀN TÂY**

ĐC: KCN Sông Hậu – Giai đoạn 1, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang

Address: Song Hau Industrial Park - Phase 1, Dong Phu Commune, Chau Thanh District, Hau Giang Province.



NĂM/YEAR 2023

MỤC LỤC/CONTENT

I: THÔNG TIN TỔNG QUÁT/GENERAL INFORMATION

1. Thư ngỏ/*Letter of Intent*
2. Giới thiệu công ty/*Company Introduction*
3. Giấy phép đăng ký kinh doanh/*Business Registration Certificate*
4. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh/*Business Fields*
5. Danh mục cơ sở vật chất /*Capital facilities*

II: BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL REPORT

III: DANH MỤC SẢN PHẨM/ PRODUCT CATEGORIES

IV: DỰ ÁN TIÊU BIỂU/ TYPICAL PROJECTS

V: HỢP ĐỒNG NHÀ SẢN XUẤT/ MANUFACTURER CONTRACT

VI: CÁC ĐỐI TÁC TIÊU BIỂU/ MAJOR PARTNERS

PHẦN I: THÔNG TIN TỔNG QUÁT

PART I: GENERAL INFORMATION

1. Thư Ngỏ

Tiền thân là Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp (INDECO) khởi lập từ những năm 2002, sớm xác định mình là Công ty thương mại, chuyên phân phối các sản phẩm thép cho các dự án công nghiệp và dân dụng. Năm 2014, nhận thấy nhu cầu và tiềm năng của thị trường phía Nam, INDECO thành lập chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh, đến cuối năm 2015 đổi tên thành Công Ty Cổ Phần Thương Mại Thép Indeco (INDECO STEEL). Chúng tôi xem mình là cầu nối giữa các nhà sản xuất và người tiêu thụ. Để được khách hàng tín nhiệm, chúng tôi luôn cung cấp giải pháp sản phẩm phù hợp và chính sách giá tốt nhất cho công trình của mình.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, chúng ta có rất nhiều sản phẩm có nguồn gốc và chất lượng khác nhau. Bằng sự thâm niên và bề dày kinh nghiệm về ngành thép của các thành viên sáng lập, INDECO STEEL am hiểu rất rõ từ khâu sản xuất đến tiêu thụ. Chính vì vậy, chúng tôi đóng vai trò như một nhà tuyển lựa, chỉ phân phối các dòng sản phẩm có uy tín, có xuất xứ rõ ràng và giá cả hợp lý, để giúp khách hàng yên tâm về sản phẩm do Công ty cung cấp.

Chúng tôi hiểu rằng, chỉ có quan tâm chăm sóc lợi ích của khách hàng, mang đến cho khách hàng những lợi ích thiết thực, thì cùng nhau...INDECO STEEL và khách hàng sẽ ngày càng được cộng hưởng những giá trị và cùng nhau phát triển theo đúng tinh thần "Đồng hành cùng giá trị cộng hưởng".

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH – QUAN ĐIỂM

Tầm nhìn: Trở thành nhà phân phối thép hàng đầu Việt Nam, là đối tác chiến lược của các nhà sản xuất thép, các nhà thầu lớn trong và ngoài nước.

Sứ mệnh: Mang đến cho khách hàng những sản phẩm thép phù hợp nhất, chất lượng tốt nhất và dịch vụ hoàn hảo nhất.

Quan điểm: Phục vụ các đơn hàng chính xác, nhanh chóng và hiệu quả nhất để đạt được lợi thế cạnh tranh trong một thị trường cạnh tranh khốc liệt

GIÁ TRỊ CỐT LÕI:

Uy tín và chất lượng: Bằng kinh nghiệm và quan hệ tốt với các nhà sản xuất thép, INDECO STEEL luôn đảm bảo về chất lượng của các dòng sản phẩm, xuất xứ hàng hóa do Công ty cung cấp

Tận tâm và chuyên nghiệp: Thái độ làm việc được INDECO STEEL đề cao, những đặc tính này giúp chúng tôi tiếp cận tốt hơn với khách hàng, trở thành người bạn đồng hành đáng tin cậy

Linh hoạt: Sự khác biệt của INDECO STEEL là chính sách ưu đãi về giá, điều kiện thanh toán linh hoạt, kho bãi rộng lớn và đội ngũ giao nhận chuyên nghiệp, luôn đảm bảo đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng.

LETTER OF INTENT

Established in 2002, Industrial Investment and Development JS Company (INDECO) has soon positioned itself as a professional steel supplier for both industrial and civil construction. Due to the potential in southern market, INDECO established a branch in Ho Chi Minh City in 2014. At the end of 2015, the organization changed its name into Indeco Steel Trading Corporation (INDECO STEEL). We are acknowledged as a connection between manufacturers and end users. In order to gain the trust from our customers, we always provide the most efficient solution with the best price policy for our clients.

However, the market has too many choices with different origin and quality. By the knowledge in steel manufacturing as well as market expertise from our co-founder members, INDECO STEEL deeply understand from the production phase to consuming phase, constantly update the latest steel making technology as well as market information domestically and internationally. Therefore, we play a role as a sorter and we only distribute the most prestige product with specific origin and competitive price.

We understand that only by taking care of our client's concern can truly gain mutual benefit between INDECO STEEL and our partners

VISION – MISSION – STANDPOINT

Vision: *Become the top steel distributor in Vietnam as well as strategic partner with steel manufacturers and major contractors*

Mission: *Providing the right product with the best quality and services*

Standpoint: *We serve with high speed and precision to get the job done efficiently*

CORE VALUE:

Prestige and Quality: *By our experience and good relation with manufacturers, INDECO STEEL guarantee our product quality and origin*

Conscientious and Professionalis: *These are the working attitudes that INDECO STEEL highly appreciated. These attribute help approaching our clients better, and eventually become their trustworthy partner*

Flexibility: *INDECO STEEL differentiate ourselves by our price policy, flexible payment term and professional logistic system .*

2. Thông tin Công Ty/ Company Information:

❖ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÉP INDECO

INDECO STEEL TRADING CORPORATION

- ĐC: 140B Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
- Address: 140B Nguyen Van Troi, Ward 8, District Phu Nhuan, Ho Chi Minh City
- ĐT/Tel: 028 3854 9667 – Fax: 028 3853 8808
- Website: INDECOSTEEL.COM.VN

❖ CÔNG TY TNHH THÉP INDECO MIỀN TÂY

INDECO CENTRAL STEEL CO., LTD

- ĐC: KCN Sông Hậu – Giai Đoạn 1, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang.
- Address: Song Hau Industrial Park - Phase 1, Dong Phu Commune, Chau Thanh District, Hau Giang Province.

❖ KHO HÀNG / WAREHOUSE

KHO F1, KHO XUỞNG A2 – LONG AN:

- ĐC: Kho F1, Kho A2, 192 Nguyễn Văn Tuôi, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.
- Address: Warehouse F1, Warehouse A2, 192 Nguyen Van Tuoi Str., Ben Luc Town, Ben Luc Dist., Long An Provinces, VietNam.



3. Giấy phép đăng ký kinh doanh/Business Registration Certificate:

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0313562014

Đăng ký lần đầu: ngày 03 tháng 12 năm 2015

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 10 tháng 01 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÉP INDECO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INDECO STEEL TRADING CORPORATION

Tên công ty viết tắt: INDECO STEEL

2. Địa chỉ trụ sở chính

140B Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 3854 9667

Fax: 028 3855 0063

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 8.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: ĐÀO ĐÌNH ĐÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/09/1968

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035068008052

Ngày cấp: 22/11/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 19/62/15 Hoàng Hoa Thám, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành
phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 19/62/15 Hoàng Hoa Thám, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố
Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG

Phó Trưởng Phòng



Võ Thành Thơ

4. Lĩnh vực kinh doanh/ *Business Fields:*

- Thép xây dựng các thương hiệu: Hòa Phát, Vas, Tungho, Pomina, Vina Kyohei, Thép Miền Nam.

Construction steel brands: Hoa Phat, Vas , Tungho, Pomina, Vina Kyohei, Mien Nam Steel.

- Thép tấm công nghiệp trong nước và nhập khẩu: Hòa Phát Dung Quất, Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc...

Domestic and import industrial steel plate: Hoa Phat Dung Quat, Hung Nghiep Formosa Ha Tinh, Japan, South Korea, China...



5. DANH MỤC CƠ SỞ VẬT CHẤT / CAPITAL FACILITIES:

STT	MÔ TẢ/DESCRIPTION	SỐ LƯỢNG/AMOUNT
CƠ SỞ HẬU CẦN <i>LOGISTICS FACILITIES</i>		
1	Kho chứa thép trên 5000 tấn <i>5000MT capacity warehouse</i>	03
2	Cổng trục cần cầu <i>Gantry Crane</i>	06
3	Xe Nâng <i>Forklift</i>	01
4	Xe tải nặng <i>Heavy Truck</i>	06
5	Xe cầu bánh lốp <i>Crane</i>	02
6	Máy phát điện <i>Generator</i>	01
7	Máy bẻ thép <i>Steel Bending Machine</i>	02
8	Cân bàn điện tử 3 tấn <i>Electronic table scale 3000kg</i>	02
9	Máy cán xả thép tấm <i>Steel plate discharging machine</i>	01
10	Máy xả băng <i>SLITTING LINE - SL</i>	01

PHẦN II: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

PART II: FINANCIAL REPORT

PHỤ LỤC BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

Mẫu số: B 02

- DN

(Ban hành
theo Thông
tư số

200/2014/TT-

BTC Ngày

22/12/2014

của Bộ Tài

chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÉP INDECO

[03] Mã số thuế: 0313562014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.637.381.205.582	1.379.544.764.651
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	44.349.394
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.637.381.205.582	1.379.500.415.257
4. Giá vốn hàng bán	11		1.606.363.044.829	1.345.402.886.817
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		31.018.160.753	34.097.528.440
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.062.896.808	969.700.134
7. Chi phí tài chính	22		8.480.788.691	6.243.509.248
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	25		16.635.109.201	10.725.041.978
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		8.581.853.489	10.289.367.243
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(616.693.820)	7.809.310.105
11. Thu nhập khác	31		314.601.304	737.800
12. Chi phí khác	32		208.763.511	18.070.803
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		105.837.793	(17.333.003)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(510.856.027)	7.791.977.102
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		743.790.870	1.114.865.495
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(1.254.646.897)	6.677.111.607
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thao Linh



Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÉP INDECO.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

Mẫu số: B 03
- DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÉP INDECO

[03] Mã số thuế: 0313562014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.755.747.642.693	1.511.123.078.049
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.729.563.838.860)	(1.539.832.161.558)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.292.302.219)	(5.475.974.498)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(8.456.377.346)	(6.243.509.248)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.900.000.000)	(1.510.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.100.041.848	1.497.511.866
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9.921.792.940)	(5.947.205.428)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.713.373.176	(46.388.260.817)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.419.250.191)	(121.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		150.000.000	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(32.200.000.000)	(12.156.664.524)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	20.607.826.579
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.000.000.000)	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		854.324.032	1.646.998.625
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(37.614.926.159)	9.977.160.680
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		15.000.000.000	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		315.068.696.328	135.200.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(283.908.486.240)	(93.500.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.000.000.000)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		31.160.210.088	41.700.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(4.741.342.895)	5.288.899.863
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.715.143.356	5.426.243.493
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		5.973.800.461	10.715.143.356

PHẦN III: DANH MỤC SẢN PHẨM

PART III: PRODUCT CATEGORIES

Thép thanh vằn / Deformed Bar:



1. Chủng loại, các thông số kích thước/Types, dimension:

- Chủng loại/Size: D10, D12, D14, D16, D18, D20, D22, D25, D28, D32, D36, D40, D43.
- Chiều dài bó: Chiều dài thương mại là 11.7m và 12m hoặc theo yêu cầu khách hàng
Length of bundle: Commercial length is 11.7m and 12m or according to customers' requests.
- Trọng lượng bó/Bundle weight: 2500 ÷ 3000 kg.

2. Yêu cầu kỹ thuật/Technical requirements:

Trọng lượng, dung sai kích thước, tính chất cơ lý của từng loại thép và phương pháp thử được quy định cụ thể trong tiêu chuẩn.

Weight, size tolerances, mechanical properties of each type and testing methods are specified in the standard.

Chủng loại sản phẩm <i>Types of products</i>	Quy cách đóng bó <i>Specifications</i>	Tiêu chuẩn <i>Standard</i>
D10 ÷ D43	Thanh/Bar	TCVN 1651-2:2008 JIS G3112 – 2010 ASTM A615/A615M-08a BS 4449 : 1997

3. Nhà máy: Hòa Phát, Pomina, VAS, Vinakyoiei, VNSteel, Vina One

Mill: Hoa Phat, VAS, Vinakyoiei, Pomina, VNSteel, Vina One

Thép Cuộn / Roll Steel:



1. Chứng loại, các thông số kích thước/Types & Dimension:

- Chứng loại/Size: Φ 5.5 – Φ 16.0
- Các thông số kích thước/Dimensions:
 - + Đường kính ngoài cuộn/External diameter: Φ 1200 mm
 - + Đường kính trong cuộn/Internal diameter: Φ 900 mm
 - + Trọng lượng cuộn/Weight: 2000 – 2100kg
 - + Buộc 4 dây đai Φ 7.0/Forced by 4 belts Φ 7.0
 - + Dung sai kích thước/Dimension tolerances:
 - Φ 5.5 – Φ 10mm: $\leq \pm 0,15\text{mm}$
 - Φ 12 – Φ 14mm: $\leq \pm 0,20\text{mm}$
 - $\geq \Phi$ 16mm: $\leq \pm 0,25\text{mm}$

2. Yêu cầu kỹ thuật/Technical Requirements:

Trọng lượng, dung sai kích thước, tính chất cơ lý của từng loại thép và phương pháp thử được quy định cụ thể trong tiêu chuẩn.

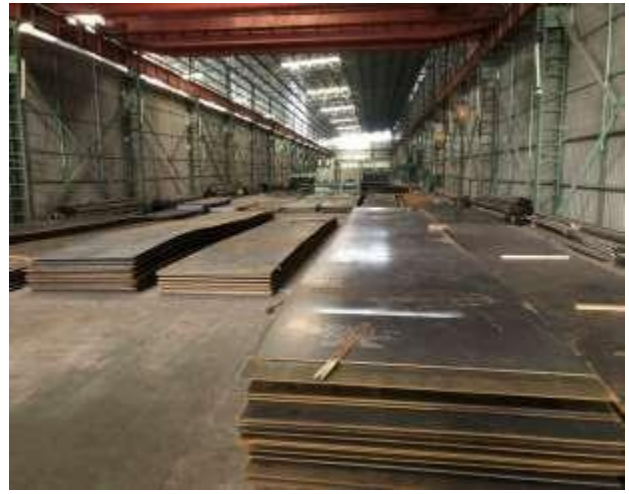
Weight, size tolerances, mechanical properties of each type and testing methods are specified in the standard.

Chứng loại sản phẩm <i>Type of products</i>	Quy cách đóng bó <i>Specification</i>	Tiêu chuẩn <i>Standard</i>
Φ 5.5, Φ 6.0, Φ 7.0, Φ 8.0, Φ 10, Φ 12, Φ 14, Φ 16	Cuộn/Roll	JIS-G3505:2004 ASTM A510M TCVN 1651:2008 ROCT 5781-82

3. Xuất xứ: Việt Nam, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản

Origin: Vietnam, China, Russia, Japan

Thép Tấm -Thép Cuộn Cán Nóng / Hot Plate Steel- Hot Roll Steel:



1. **Chủng loại, các thông số kích thước/Types & Dimension:**

Các thông số kích thước/*Dimension*:

1.5mm – 100mm x 1.000/1.219/1.250/1.500/2.000mm.

2. **Yêu cầu kỹ thuật/Technical requirements:**

Trọng lượng, dung sai kích thước, tính chất cơ lý của từng loại thép và phương pháp thử được quy định cụ thể trong tiêu chuẩn.

Weight, size tolerances, mechanical properties of each type and testing methods are specified in the standard.

Chủng loại sản phẩm <i>Type of products</i>	Quy cách đóng bó <i>Specification</i>	Tiêu chuẩn <i>Standard</i>
SS400/A36	Kiện/Cuộn Sheet/Coil	JIS G3101/ASTM
A572		ASTM
Q235		GB/T700-2006
Q345/Q355B		GB/T1591
SPHT		JIS G3132
SPHC		JIS-G3131
SAE1006		SAE / AISI

3. **Xuất xứ:** Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc

Origin: China, Russia, Japan, South Korea

Thép Hình Chữ I – H / I - Beam – H – Beam/ Angle, Channel:



1. **Chủng loại, các thông số kích thước/Types & Dimension:**

Chủng loại/Types: Thép hình chữ I và H/I & H Beam

- Các thông số kích thước/Dimension:

+ Thép hình chữ I/I Beam: I100 – I800mm x 12.000mm

+ Thép hình chữ H/H Beam: H100 – H400mm x 12.000mm

2. **Yêu cầu kỹ thuật/Technical requirements:**

Trọng lượng, dung sai kích thước, tính chất cơ lý của từng loại thép và phương pháp thử được quy định cụ thể trong tiêu chuẩn.

Weight, size tolerances, mechanical properties of each type and testing methods are specified in the standard.

Chủng loại sản phẩm <i>Type of products</i>	Quy cách đóng bó <i>Specification</i>	Tiêu chuẩn <i>Standard</i>
Thép hình chữ I/I Beam: I100 – I800mm x 12.000mm Thép hình chữ H/H Beam: H100 – H400mm x 12.000mm	Thanh/Bar	TCVN1655-75 JIS-G3101/3192 GB SS400 Q235B

3. **Xuất xứ: Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan/ Origin: South Korea, China, Japan, Taiwan**

Ống Thép / Steel Pipe:



1. **Chủng loại, các thông số kích thước/Types & Dimension:**

Chủng loại: ống thép vuông/ chữ nhật, ống thép đen, ống mạ kẽm, ...

Type: square / rectangular steel tube, black steel pipe, galvanized pipe, ...

Các thông số kích thước/Dimension: Φ 21mm – Φ 610 x 1.7mm – 11mm x 6.000mm/12.000mm

2. **Yêu cầu kỹ thuật/Technical requirements:**

Trọng lượng, dung sai kích thước, tính chất cơ lý của từng loại thép và phương pháp thử được quy định cụ thể trong tiêu chuẩn.

Weight, size tolerances, mechanical properties of each type and testing methods are specified in the standard.

Chủng loại sản phẩm Type of products	Quy cách đóng bó Specification	Tiêu chuẩn Standard
Φ 21mm – Φ 610 x 1.7mm – 11mm x 6.000mm/12.000mm Φ 21mm – Φ 610 x 1.7mm – 11mm x 6.000mm/12.000mm	Ống/Tube	G3444 – 2010 JIS/ASTM A53 US/A53M-10 G3466 – 2010 JIS/ASTM A500 US/A500-10a G3457 – 2010 JIS/ASTM A5525/A5530 ASTM A500 TCVN 3783-83

3. **Xuất xứ:** Việt Nam, Nhật Bản, Hàn Quốc

Origin: Vietnam, Japan, South Korea.

Cọc cừ Larsen / *Larsen Sheet Pile:*



1. **Chủng loại, các thông số kích thước/Types & Dimension:**

Chủng loại/Types: SP I, SP II, SP IV

Các thông số kích thước/Dimension: 12m/ 18m

2. **Yêu cầu kỹ thuật/Technical requirements:**

Trọng lượng, dung sai kích thước, tính chất cơ lý của từng loại thép và phương pháp thử được quy định cụ thể trong tiêu chuẩn.

Weight, size tolerances, mechanical properties of each type and testing methods are specified in the standard.

Chủng loại sản phẩm <i>Type of products</i>	Quy cách đóng bó <i>Specification</i>	Tiêu chuẩn <i>Standard</i>
SP I, SP II, SP IV	Thanh/Bar	JIS A5528:2000

3. **Xuất xứ:** Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc.

Origin: *Japan, Korea, China*

Cáp Dự Ứng Lực – Thanh Thép Dự Ứng Lực – Dây Thép Dự Ứng Lực – Neo Căng Cáp / *PC Strand - PC Bar - PC Wire – Anchor:*



1. **Chủng loại, các thông số kích thước/Types & Dimension:**

Chủng loại/Types: ASTM A416 - 2005/2006, Grade 270, Grade 1860

Các thông số kích thước/Size: 12.7mm / 15.24mm

2. **Yêu cầu kỹ thuật/Technical requirements:**

Trọng lượng, dung sai kích thước, tính chất cơ lý của từng loại thép và phương pháp thử được quy định cụ thể trong tiêu chuẩn.

Weight, size tolerances, mechanical properties of each type and testing methods are specified in the standard.

Chủng loại sản phẩm <i>Type of products</i>	Quy cách đóng bó <i>Specification</i>	Tiêu chuẩn <i>Standard</i>
Grade 270 Grade 1860	Kiện/Cuộn Sheet/Coil	ASTM A416 - 2005/2006

3. **Xuất xứ:** Thái Lan, Malaysia, Trung Quốc, etc.

Origin: Thailand, Malaysia, China, etc.

PHẦN IV: CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU

PART IV: MAJOR PROJECTS

CÁC DỰ ÁN CÔNG NGHIỆP

INDUSTRIAL PROJECTS



DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ HÒA ĐÔNG 2



DỰ ÁN NHÀ XƯỞNG XÂY SẴN - BKIM



FPT SOFTWARE – KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



NHÀ MÁY SẢN XUẤT CTY TNHH TECHTRONIC TOOLS VIỆT NAM (TTI)

CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG

INFRASTRUCTURE PROJECTS



CẦU MỸ THUẬN 2



CẦU RẠCH MIỄU 2



CẦU PHƯỚC AN (NỐI THỊ XÃ PHÚ MỸ - NHƠN TRẠCH)



DỰ ÁN CAO TỐC CAM LÂM – VĨNH HẢO



CAO TỐC PHAN THIẾT – DẦU GIÂY



GÓI THẦU 5.10 – SÂN BAY QUỐC TẾ LONG THÀNH

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THÉP MIỀN NAM-VNSTEEL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **780** /TMN-KD
V/v giới thiệu đơn vị cung cấp
Thép Miền Nam /V/ cho dự án

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày **31** tháng 8 năm 2023

Kính gửi:

- Ban Quản lý Dự án Sân bay Quốc tế Long Thành;
- Tư vấn giám sát Dự án Sân bay Quốc tế Long Thành;
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Ricons, Công ty CP Đầu tư Xây dựng Newtecons, Công ty CP Đầu tư Xây dựng SOL E&C thuộc Liên danh Vietur - Nhà thầu Gói thầu 5.10 - Dự án Sân bay Quốc tế Long Thành.

To:

- *Project Management Board of Long Thanh International Airport;*
- *Consultants of Long Thanh International Airport;*
- *Ricons Construction Investment JSC, Newtecons Investment Construction JSC, SOL E&C Construction Investment JSC - The VIETUR Consortium - Contractor of Package 5.10 - Long Thanh International Airport.*

Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL (SSCV) trân trọng cảm ơn sự quan tâm của Quý khách hàng đến sản phẩm thép xây dựng thương hiệu Thép Miền Nam /V/.

VNSTEEL - Southern Steel Company Limited (SSCV) would like to thank you for your interest in our construction steel products with logo /V/.

SSCV được đầu tư dây chuyền sản xuất đồng bộ do Tập đoàn Danieli (Ý) thiết kế, chế tạo và lắp đặt vận hành vì vậy các sản phẩm mang thương hiệu Thép Miền Nam /V/ luôn luôn đáp ứng được các đòi hỏi khắt khe về chất lượng và tính ổn định.

With the comprehensive and advanced production line which is designed and assembled by the Danieli Group (Italy), our construction steel product Southern Steel /V/ always meet your strictly requirements for quality and stability.

Thương hiệu Thép Miền Nam /V/ đã cung cấp cho rất nhiều công trình trọng điểm, dự án lớn như: Dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị số 1 Tp.HCM Bến Thành - Suối Tiên; Hệ thống đường băng, sân đỗ, nhà ga T3 sân bay Tân Sơn Nhất; Dự án Cao tốc Bến Lức - Long Thành; KĐT Vinhomes Central Park; ...



Southern Steel /V/ has been provided to many major projects, such as: HCMC Urban Railway Construction Project (Ben Thanh – Suoi Tien Section); System of runways, aprons and T3 Terminal of Tan Son Nhat Airport; Ben Luc - Long Thanh Expressway; Vinhomes Central Park; ...

Với hệ thống phân phối rộng khắp, sẵn sàng đáp ứng tiến độ cho các công trình dự án, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu đơn vị cung cấp sản phẩm Thép Miền Nam /V/ có uy tín cho “**Gói thầu 5.10 - Dự án Sân bay Quốc tế Long Thành**” thông tin chi tiết như sau:

*With our extensive distribution system which is ready to satisfy the schedule of the project, we are very honored to introduce the company which supply Southern Steel /V/ for project “**Package 5.10 - Long Thanh International Airport Project**”, detail information as below:*

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÉP INDECO**
Company name: *INDECO STEEL TRADING CORPORATION*
- Địa chỉ: 140B Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM
Add: *140B Nguyen Van Troi, Ward 8, Phu Nhuan Dist., HCMC.*
- Điện thoại/ Tel: 028 3854 9667
- Người đại diện: Ông Đào Đình Đông Chức vụ: Giám đốc
Representative: *Mr. Dao Dinh Dong* Position: *Director*

Trân trọng./.

Regards./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, KD.



DỰ ÁN DÂN DỤNG

CIVIL PROJECTS



GREEN TOWER – TBS LAND



DỰ ÁN MT EASTMARK CITY



HYATT REGENCY HỒ TRÀM RESORT & SPA



KHU NHÀ Ở CTY NHẬT HOÀNG (SIMCITY)



TÒA THÁP ĐÔI – TẬP ĐOÀN BITEXCO

HỢP ĐỒNG NHÀ SẢN XUẤT

MANUFACTURER CONTRACT

HÒA PHÁT BÌNH DƯƠNG



Số: 12HĐMBGK/HP2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
-----o0o-----

HỢP ĐỒNG MUA BÁN VÀ GỬI KHO HÀNG HÓA

– Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên,

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại CN Công Ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên Tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

Bên A (Bên gửi kho/Bên Bán): CN CÔNG TY TNHH THÉP HÒA PHÁT HƯNG YÊN TẠI BÌNH DƯƠNG

- Địa chỉ : Lô B Đại Lộ Thống Nhất – KCN Sông Thần 2 – P. Dĩ An – TP. Dĩ An – Tỉnh Bình Dương - VN
- Điện thoại : 028 – 35129896 Fax: 028 – 38991730/ 35121722
- Tài khoản : 0531 00 2489052 Tại NH Ngoại Thương Việt Nam – CN Đồng Sài Gòn
: 115000157567 Tại NH TMCP Công Thương VN – CN TP. Hồ Chí Minh
: 13010001576459 Tại NH TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – CN Sở Giao Dịch 2
: 19133617852013 Tại NH TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) - CN TPHCM
- Mã số thuế : 0 9 0 0 6 2 9 3 6 9 – 0 0 5
- Do ông : **Đỗ Minh Quý** Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Bên B (Bên nhận gửi kho/Bên Mua) : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÉP INDECO

- Địa chỉ : 155-157 An Dương Vương, Phường 8, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 028 38549667 Fax: 028 38538808
- Tài khoản :
 - 0251002726937 NH TMCP Ngoại Thương VN (VCB) – CN Bình Tây
 - 14710000180284 NH TMCP Đầu Tư Phát Triển Việt Nam (BIDV) – CN 3/2
 - 060113124043 NH TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) – CN Hưng Đạo
 - 38538808 NH TMCP Á Châu (ACB) – CN Trần Khai Nguyên
 - 127919933 NH Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)
- Mã số thuế : 0 3 1 3 5 6 2 0 1 4
- Do ông/bà : **Đào Đình Đông** Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Hai bên thỏa thuận, đồng ý xác lập, ký kết và thực hiện hợp đồng gửi kho và mua bán hàng hóa với các điều kiện và điều khoản sau:

Điều 1: HÀNG HÓA - SỐ LƯỢNG:

- Bên A đồng ý bán hoặc gửi kho, bên B đồng ý mua hoặc nhận gửi kho thép cốt bê tông cán nóng hoặc thép cuộn nguyên liệu các loại mang nhãn hiệu Hòa Phát do bên A sản xuất theo tiêu chuẩn:
 - + Thép trơn: TCVN 1651-1:2018 Φ 6, Φ8, Φ10, Φ12; ASTM A510/A510M-13; các tiêu chuẩn, đường kính khác theo thỏa thuận.
 - + Thép vân: JIS G 3112-1987/ SD295, SD390; ASTM A615/A615M-96a/ Gr40, Gr60; TCVN 1651-2:2018/ CB-300V, CB-400V, CB500-V; các tiêu chuẩn khác theo thỏa thuận, với đường kính từ Φ10 MM – D55 MM và các đường kính khác theo thỏa thuận, chiều dài tiêu chuẩn 11,7M và hàng khẩu độ theo yêu cầu.
- Đối với hàng gửi kho: Bên A đồng ý gửi kho bên B tại địa chỉ: 192 Nguyễn Văn Tuôi, KP6, TT Bến Lức, H. Bến Lức, T. Long An, hoặc theo thỏa thuận của từng xác nhận đơn đặt hàng gửi kho cụ thể.

- Số lượng tiêu thụ:
- Trước mỗi lần nhận gửi kho hoặc mua hàng, Bên B làm đơn đặt hàng gửi kho hoặc xác nhận đơn đặt hàng với số lượng, chủng loại mà bên B có thể tiêu thụ được để bên A có kế hoạch chuyển hàng cho bên B

Điều 2: GIÁ CÁ

- Bên A có trách nhiệm thông báo giá bán cho bên B theo từng thời điểm phù hợp với giá thị trường.
- Bên B có trách nhiệm bán hàng dựa theo giá thông báo và các điều kiện của bên A tại từng thời điểm.
- Đơn giá của từng đơn đặt hàng được xác định vào thời điểm hai bên ký xác nhận đơn đặt hàng làm cơ sở cho việc thanh toán.
- Chiết khấu sản lượng hàng tháng sẽ được tính theo quy định của bên A, căn cứ trên lượng hàng thực tế bên A bán cho bên B và sẽ trừ vào hóa đơn cuối tháng hoặc của tháng kế tiếp. Riêng chiết khấu sản lượng của tháng 12 sẽ được trừ dần vào các hóa đơn trong tháng 12 hoặc được tổng hợp và xuất hóa đơn chiết khấu trong tháng 12.
- Các khoản hỗ trợ khác (nếu có) sẽ có tờ trình riêng và được tập hợp để lập biên bản đối chiếu bù trừ công nợ khi bên A nhận được biên bản xác nhận của bên B.
- Bên B có trách nhiệm xuất hàng cho các khách hàng của bên A theo đề nghị của bên A bằng văn bản tại thời điểm đề nghị, đồng thời bên A phải trả cho bên B chi phí bốc xếp (Bên A không trả chi phí bốc xếp cho bên B đối với những đơn hàng bên B mua của bên A tại kho hàng gửi bên B) là VND/ tấn (giá đã bao gồm V.A.T) (Chi phí bốc xếp đã bao gồm tất cả các công đoạn từ xếp dỡ trên phương tiện của bên A vào kho, tiếp nhận hàng gửi kho, quản lý và bảo quản hàng hóa đồng thời xếp dỡ, tách bó, uốn bẻ từ kho lên phương tiện bên A)

Điều 3: GIAO NHẬN HÀNG

- Bên A giao hàng gửi kho hoặc hàng mua bán cho bên B trên phương tiện vận chuyển bên B tại các cảng trong khu vực Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Bình Dương hoặc Đồng Nai hoặc Long An hoặc tại kho của bên A hoặc tại kho của bên B. Chi phí vận chuyển hàng gửi kho từ địa điểm giao hàng của bên A về đến kho bên B do bên B chịu hoặc theo thỏa thuận.
- Bên A thông báo việc giao hàng gửi kho cho bên B trước khi giao hàng.
- Bên B có trách nhiệm bố trí phương tiện nhận hàng.
- Phương thức giao nhận:
 - + Thép cây: Giao, nhận theo số cây thực tế nhân đơn trọng quy định của bên A hoặc thỏa thuận.
 - + Thép cuộn giao, nhận theo eteket treo trên cuộn thép hoặc thỏa thuận.
- Biên bản giao hàng được ký giữa đại diện giao hàng của bên A và đại diện nhận hàng của bên B tại cảng hoặc tại kho của bên A là căn cứ để xác định lượng hàng bên B nhận của bên A
- Kể từ thời điểm bên A giao hàng gửi kho cho bên B tại các cảng trong khu vực Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Bình Dương hoặc Đồng Nai hoặc Long An hoặc tại kho bên A, bên B có trách nhiệm quản lý hàng hoá, bố trí nhận sự, bảo quản và xuất nhập hàng theo yêu cầu của bên A.

Điều 4: THANH TOÁN

- Phương thức thanh toán: thanh toán bằng chuyển khoản.
- Hàng ngày bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A tình hình bán hàng và lượng hàng tồn kho. Đồng thời bên B có trách nhiệm thanh toán dứt điểm toàn bộ giá trị tiền hàng đã bán được cho bên A ngay khi bán được hàng gửi kho.
- Thời hạn thanh toán:
 - + Thanh toán dứt điểm 100% giá trị tiền hàng trước khi nhận hàng
 - + Trường hợp thanh toán dứt điểm 100% giá trị tiền hàng trong vòng 30 ngày sẽ theo chính sách của công ty tại từng thời điểm.



- Nếu đến hạn thanh toán mà bên B chưa thanh toán dứt điểm giá trị tiền hàng cho bên A thì phải chịu lãi quá hạn với lãi suất bằng /tháng trên số tiền quá hạn tại thời điểm phát sinh. Đồng thời bên A có quyền đơn phương xem xét cắt giảm chiết khấu mà bên B không có quyền khiếu nại.
- Bên A đồng ý cung cấp hạn mức dự nợ cho bên B là tỷ đồng với điều kiện bên B phải tiêu thụ sản lượng tối thiểu là tấn/tháng. Trường hợp bên B không đạt sản lượng nêu trên thì bắt buộc phải thanh toán hết số dự nợ vượt hạn mức tỷ tại thời điểm cuối tháng và lượng hàng vượt hạn mức tỷ tính theo giá nợ ngày.
- Trường hợp bên B mua hàng vượt hạn mức dự nợ trên thì đề nghị bên B có bảo lãnh ngân hàng (bảo lãnh được bên A chấp thuận). Hoặc thanh toán tiền trước khi nhận hàng.

Điều 5: QUYỀN SỞ HỮU VỀ HÀNG HOÁ:

- Đối với lượng hàng gửi kho, trước khi chuyển quyền sở hữu hàng hóa từ bên A cho bên B, bên B phải có xác nhận đơn đặt hàng gửi cho bên A
- Quyền sở hữu và định đoạt hàng hoá vẫn thuộc về bên A cho đến khi bên B nhận được lệnh xuất hàng từ bên A căn cứ vào đơn đặt hàng mà bên B đã đặt, đồng thời bên B lập biên bản giao hàng ký nhận hàng hóa với bên A tại thời điểm đó để làm cơ sở cho việc thanh toán.
- Bên A có quyền thu hồi lại hàng hoá nếu bên B không thanh toán đúng hạn hoặc bên A nhận thấy có dấu hiệu thất thoát hoặc bảo quản kém làm hư hại đến chất lượng hàng hoá.

Điều 6: CÔNG TÁC BÁN HÀNG VÀ THU HỒI CÔNG NỢ

- Thời gian gửi hàng: Thời gian gửi hàng tính theo từng tàu hoặc xà lan hoặc xe: Tối đa là 30 ngày kể từ ngày nhận hàng tại cảng hoặc tại kho của bên A hoặc theo thỏa thuận. Hoặc vào thời điểm ngày 31/12 tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Quá thời hạn theo quy định của hợp đồng này thì lượng hàng tồn còn lại mặc định bên B phải mua lại của bên A với giá tại thời điểm quá thời hạn quy định (bên A mặc định sẽ xuất hóa đơn với lượng hàng gửi kho còn lại mà bên B chưa đặt mua kể từ thời điểm quá hạn mà không cần đơn đặt hàng hoặc biên bản giao nhận). Và thời điểm này là thời điểm bên B có trách nhiệm nhận nợ bên A. Đồng thời bên A có quyền thu hồi công nợ bằng cách giải phóng bảo lãnh hoặc cắt tiền ký quỹ nếu thấy cần thiết.
- Hàng tháng hai bên làm biên bản đối chiếu công nợ, tổng hợp lượng xuất – nhập – tồn
- Toàn bộ dự nợ của bên B với bên A đến hết 31/12/2020 được kết chuyển qua hợp đồng này. Bên B có trách nhiệm thực hiện đúng như các điều khoản đã ký.

Điều 7: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, SỔ SÁCH.

- Bên B lập sổ nhật ký theo dõi nhập, xuất, tồn và lập thẻ kho cho từng chủng loại.
- Bên B phải có nhiệm vụ báo cáo cho bên A khi có phát sinh mua hoặc bán hàng tại kho.
- Bên B phải thực hiện công việc báo cáo tuần (Nhập, xuất, tồn và công nợ) trước 9h30 sáng thứ 7 hàng tuần cho bên A.
- Ngay khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng Bên B phải thông báo ngay cho Bên A để hai bên lập biên bản giao nhận hàng, xuất hoá đơn bán hàng, chốt công nợ.

Điều 8: NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Đối với bên A:

- Giao hàng cho bên B đúng quy cách, chất lượng như quy định tại Điều 1.
- Đề nghị bên B giao hàng tại kho của bên B cho bên A theo quy định tại điều 2
- Chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá và cấp chứng chỉ chất lượng cho mỗi đơn hàng.
- Cung cấp Hoá đơn VAT cho bên B đối với lượng hàng xuất bán.
- Có quyền điều phối hàng hoá tại kho bên B nếu thấy cần thiết.
- Thường xuyên kiểm tra hàng hoá và áp dụng mức phạt lãi quá hạn/tháng đối với lượng hàng hoá mà bên B bán được không báo cáo cho bên A. Nếu bên B thường xuyên vi phạm những



điều này thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và thu hồi toàn bộ hàng hoá tại kho của bên B.

Đối với bên B:

- Chuẩn bị cơ sở vật chất, kho tàng có mái che, tiếp nhận và bảo quản hàng hoá của bên A và chịu trách nhiệm cho toàn bộ nếu để mất mát hoặc giảm chất lượng do bảo quản không tốt.
- Có trách nhiệm thông báo ngay cho bên A biết khi bán được hàng.
- Thanh toán đúng hạn theo quy định của bên A khi bán được hàng.
- Có trách nhiệm giao hàng tại kho bên B cho bên A theo yêu cầu.
- Treo biển Thép Hoà Phát theo Market của bên A.
- Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi cho bên A kiểm kê hàng hoá tại kho đảm bảo tính trung thực và chính xác.
- Thực hiện bán hàng theo đúng thoả thuận trong hợp đồng này.
- Thực hiện các chỉ dẫn của bên A phù hợp với hợp đồng này.
- Không được uỷ thác cho bên thứ 3 thực hiện hợp đồng này.
- Bồi thường các tổn thất, thiệt hại xảy ra cho bên A khi không thực hiện đúng các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng này.
- Có trách nhiệm mua lại toàn bộ lượng hàng tồn kho mà bên A gửi tại các kho của bên B theo giá thời điểm mà bên A áp dụng trong trường hợp có tranh chấp xảy ra dẫn đến hai bên chấm dứt hợp đồng gửi kho nếu bên A chấp thuận.

Điều 9: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi hai bên thực hiện hết các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng.

Điều 10: CAM KẾT CHUNG

- Các bên cam kết thực hiện đầy đủ và kịp thời các điều khoản ghi trong hợp đồng này. Mọi sửa đổi, bổ sung của hợp đồng này được lập thành văn bản và có xác nhận của hai bên.
- Không bên nào được tiết lộ hợp đồng này cho bên thứ ba nếu không được chấp nhận của bên kia bằng văn bản.
- Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản pháp luật về Hợp đồng.
- Không bên nào đơn phương từ bỏ thực hiện hợp đồng, trường hợp có tranh chấp xảy ra, hai bên cùng nhau bàn bạc tìm giải pháp giải quyết trên tinh thần thương lượng. Nếu hai bên thương thuyết không thành sẽ đưa ra Toà án có thẩm quyền giải quyết, phán quyết của Toà án là cuối cùng và bắt buộc đối với cả hai bên, chi phí toà án do bên có lỗi chịu.

Hợp đồng và các văn bản liên quan đến hợp đồng này được ký qua bản gốc hay ký qua fax đều có giá trị pháp lý như nhau và ràng buộc đối với cả hai bên.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Đỗ Minh Quý

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Đào Đình Đông

HÒA PHÁT BÌNH ĐỊNH

Số: 13HĐKT/HPBD2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh Phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại Công ty TNHH MTV Hòa Phát - Bình Định, chúng tôi gồm:

Bên A (Bên bán): CÔNG TY TNHH MTV HÒA PHÁT - BÌNH ĐỊNH

- Địa chỉ : Lô A4-01, KCN Nhơn Hội (Khu A), KKT Nhơn Hội, X.Nhơn Hội, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định, Việt Nam
- Điện thoại : 0256.2220468 Fax: 0256.2220568
- Tài khoản : 5801.0000.481700 Tại Ngân hàng BIDV CN Bình Định
- : 0051.0005.03415 Tại Ngân hàng VCB CN Quy Nhơn
- Mã số thuế : 4101014951
- Do ông : **Cao Sơn** Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Bên B (Bên mua): CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÉP INDECO

- Địa chỉ : 155-157 An Dương Vương, Phường 8, Quận 5, TP HCM, Việt Nam
- Điện thoại : 028.38549667 Fax: 028.38538808
- Tài khoản : 1471.0000.180284 Tại Ngân hàng BIDV CN 3/2.
- Mã số thuế : 0313562014
- Do ông : **Đào Đình Đông** Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Hai bên thỏa thuận, đồng ý xác lập, ký kết và thực hiện hợp đồng với các điều kiện và điều khoản sau:

Điều 1: HÀNG HOÁ - SỐ LƯỢNG

Bên A đồng ý bán, bên B đồng ý mua thép cốt bê tông cán nóng các loại do bên A sản xuất.

- Hàng hoá:
 - + Thép cuộn: TCVN 1651-1:2018 Φ 6, Φ8, Φ10, Φ12, Φ14, D8.
 - + Thép que hàn, rút dây: ASTM A510/A510M-18: SAE1008, SAE1006,... JIS G3503-2006: SWRY11.
 - + Thép thanh vằn: ASTM A615/A615M-18/ Gr40, Gr60; TCVN 1651-2:2018/ CB300-V, CB400-V, CB500-V với đường kính từ D10 MM - D40 MM, chiều dài tiêu chuẩn 11,7M và hàng khẩu độ theo yêu cầu.
- Thị trường tiêu thụ: Các dự án được sự đồng ý của bên A.
- Số lượng, chi tiết mỗi chủng loại hàng hoá theo từng xác nhận đơn đặt hàng cụ thể làm cơ sở cho việc giao hàng.
- Bên B không được tiêu thụ sản phẩm ngoài thị trường trên nếu không được bên A chấp thuận bằng văn bản. Bên B phải cung cấp định vị của xe lấy hàng trong vòng 24h kể từ khi bên A yêu cầu.
- Trường hợp bên A phát hiện bên B tiêu thụ hàng hoá không đúng thị trường ghi trong xác nhận đơn hàng thì bên B sẽ phải chịu phạt theo quyết định của bên A tại thời điểm vi phạm.

Điều 2: GIÁ CẢ

- Là giá áp dụng theo từng chính sách bán hàng tại từng thời điểm, áp dụng cho từng lô hàng, được quy định cụ thể trong các xác nhận đơn hàng được hai bên ký kết. Các xác nhận đơn hàng là bộ phận không thể tách rời hợp đồng này.
- Chiết khấu sản lượng hàng tháng sẽ được tính theo quy định của bên A, căn cứ trên lượng hàng thực tế bên A bán cho bên B.
- Các khoản hỗ trợ bán hàng khác(nếu có) sẽ có tờ trình riêng và được tập hợp để lập biên bản đối chiếu và bù trừ công nợ vào tháng sau khi bên A nhận được biên bản xác nhận của bên B.

Điều 3: GIAO NHẬN HÀNG

- Trước khi nhận hàng của mỗi đợt hàng, bên B phải gửi cho bên A đặt hàng (số lượng, chủng loại, thời gian giao nhận hàng...) trước 03 ngày để bên A có kế hoạch sản xuất và cung ứng.
- Thời gian giao nhận hàng: từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021.
- Phương thức giao hàng: hàng giao trên phương tiện vận chuyển bên mua tại kho của Công ty TNHH MTV Hòa Phát – Bình Định - kho Lô A4-01, KCN Nhơn Hội (Khu A), KKT Nhơn Hội, X. Nhơn Hội, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định, Việt Nam, hoặc theo thỏa thuận trong đơn hàng cụ thể.
- Lượng hàng giao nhận hàng thực tế được lập thành biên bản được hai bên xác nhận làm cơ sở cho việc thanh toán.

Điều 4: THANH TOÁN

- Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản.
 - Thời hạn thanh toán:
 - + Thanh toán 100% giá trị lượng hàng trước khi nhận hàng.
 - + Trường hợp thanh toán dứt điểm 100% giá trị tiền hàng trong vòng 25 ngày kể từ ngày nhận hàng sẽ theo chính sách của công ty tại từng thời điểm.
- Nếu đến hạn thanh toán mà bên B chưa thanh toán dứt điểm giá trị tiền hàng cho bên A thì phải chịu lãi quá hạn với lãi suất bằng trên số tiền quá hạn tại thời điểm phát sinh. Đồng thời bên A có quyền đơn phương xem xét cắt giảm chiết khấu mà bên B không có quyền khiếu nại. Tổng mức dư nợ tối đa của bên B đối với bên A là 000.000.000 đồng (tỷ đồng chẵn), trường hợp tổng mức dư nợ vượt quá mức trên, yêu cầu bên B có bảo lãnh ngân hàng hoặc thanh toán trước khi nhận hàng.

Điều 5: CHẤT LƯỢNG HÀNG HOÁ

Chất lượng hàng hoá do bên A cung cấp đảm bảo đúng theo tiêu chuẩn ASTM A615/A615M-18, TCVN 1651 - 2018, ASTM A510/A510M-18, JIS G3503-2006.

Điều 6: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và tự động hết hiệu lực khi hai bên thực hiện đầy đủ trách nhiệm quy định trong hợp đồng.

Điều 7: CAM KẾT CHUNG

- Các bên cam kết thực hiện đầy đủ và kịp thời các điều khoản ghi trong hợp đồng này. Mọi sửa đổi, bổ sung của hợp đồng này được lập thành văn bản và có xác nhận của hai bên.
- Không bên nào được tiết lộ hợp đồng này cho bên thứ ba nếu không được chấp nhận của bên kia bằng văn bản.
- Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản pháp luật về hợp đồng Kinh tế.
- Không bên nào đơn phương từ bỏ thực hiện hợp đồng, trường hợp có tranh chấp xảy ra, hai bên cùng nhau bàn bạc tìm biện pháp giải quyết trên tinh thần thương lượng. Nếu hai bên thương thuyết không thành sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền quyết định, phán quyết của Tòa án có thẩm quyền là cuối cùng và bắt buộc đối với cả hai bên, chi phí toà án do bên có lỗi chịu.

Hợp đồng và các văn bản liên quan đến hợp đồng này được ký qua bản gốc hay ký qua fax đều có giá trị pháp lý như nhau và ràng buộc đối với cả hai bên.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.


ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC
Bui Lan


ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
Đào Đình Đông

VAS NGHI SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
MUA BÁN HÀNG HÓA**

(V/v Mua bán Thép VAS)
Số: 001-2021/HDNT/NIS – IND

- Căn cứ Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại 2005;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên tham gia ký kết Hợp đồng.

Hôm nay ngày 28 tháng 12 năm 2020, chúng tôi gồm:

BÊN BÁN: **CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP NGHI SƠN**
(Sau đây gọi là Bên A)
Địa chỉ: Khu Liên hợp Gang thép Nghi Sơn – Khu Kinh tế Nghi Sơn, Phường Hải Thượng, Thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.
Điện thoại: (+84) 2373 900 600 Fax: (+84) 2373 900 555
Mã số thuế: 2801115888
Đại diện: Bà **HUỶNH THỊ QUỲNH THƯ**
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
(Theo Giấy Ủy quyền số 023A/UQ.20/NIS-BGD ngày 01/08/2020)

Và,

BÊN MUA: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÉP INDECO**
(Sau đây gọi là Bên B)
Địa chỉ: Số 155 – 157 An Dương Vương, Phường 8, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 0236.3822807 Fax: 0236.3823306
Mã số thuế: 0313562014
Tài khoản: 0251002726937 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCB) – CN Bình Tây.
127919933 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank)
Đại diện: Ông **ĐÀO ĐÌNH ĐÔNG**
Chức vụ: Giám đốc

Sau khi thỏa thuận, các bên đồng ý ký kết Hợp đồng nguyên tắc mua bán Hàng hóa (sau đây gọi là Hợp đồng) với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH**1.1 Các định nghĩa:**

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- Thời hạn Hợp đồng:** Là khoảng thời gian mà các Bên có quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này, bao gồm cả thời gian gia hạn Hợp đồng.
- Giá trị Hợp đồng:** Là tổng giá trị Hàng hóa mà Bên B phải thanh toán đủ và đúng hạn cho Bên A cho những Hàng hóa mà Bên A đã cung cấp cho Bên B.
- Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng:** Là văn bản sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Hợp đồng, theo đó quy định cụ thể về chủng loại Hàng hóa, giá Hàng hóa, thời gian, phương thức giao nhận Hàng hóa, khuyến mại và các vấn đề khác có liên quan đến việc mua bán Hàng hóa giữa hai Bên.

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP NGHI SƠN

Trụ sở: KINH Gang Thép Nghi Sơn – KKT Nghi Sơn, Hải Thượng, TX Nghi Sơn, Thanh Hóa
VPĐD: 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

W www.vasgroup.vn

T +84 2373 900 666 F +84 2373 900 555
T +84 28 3820 6206 F +84 28 3820 5556

- d) **Biên bản giao nhận/ nghiệm thu/ bàn giao:** Là văn bản được các Bên ký kết nhằm xác nhận số lượng Hàng hóa đã giao nhận, đã nghiệm thu theo thỏa thuận của Hợp đồng này và các Phụ lục.
 - e) **Bí mật kinh doanh và tài sản sở hữu trí tuệ:** Là thông tin, tài liệu, ý tưởng, kinh doanh, hình ảnh v.v... thể hiện hoặc lưu trữ dưới dạng văn bản, file máy tính, thư điện tử, hình ảnh v.v... mà mỗi bên có được và sở hữu hợp pháp.
 - f) **Thông tin bảo mật:** Là những thông tin thuộc bí mật kinh doanh và tài sản, sở hữu trí tuệ nêu tại Hợp đồng, Phụ lục mà các Bên biết hoặc tiếp cận được trong quá trình thực hiện Hợp đồng này.
 - g) **Người được phép nắm giữ thông tin bảo mật:** Là người tham gia trực tiếp hay gián tiếp vào việc thực hiện Hợp đồng của các Bên. Tuy vậy, các Bên thống nhất rằng thỏa thuận này còn được áp dụng cho tất cả nhân viên của các Bên không phải là "Người được phép nắm giữ thông tin bảo mật" nhưng vì lý do nào đó có thể biết hoặc tiếp cận được "Thông tin bảo mật".
 - h) **Bên** nghĩa là Bên A hoặc Bên B, và **"Các Bên"** nghĩa là Bên A và Bên B.
- 1.2 Giải thích:
- a) Các từ "của Hợp đồng này", "trong Hợp đồng này" và "theo Hợp đồng này" và các từ có nội dung tương tự, khi được sử dụng trong Hợp đồng này, sẽ đề cập đến toàn bộ Hợp đồng này và không đề cập đến bất kỳ quy định cụ thể nào của Hợp đồng này.
 - b) Nếu có mâu thuẫn giữa nội dung của một điều, khoản, điểm hoặc mục với tiêu đề thì các nội dung của điều, khoản, điểm hoặc mục đó sẽ được áp dụng để giải quyết các vấn đề liên quan. Tiêu đề chỉ để tiện tra cứu và không ảnh hưởng đến việc giải thích các điều, khoản, điểm hoặc mục hoặc các đoạn áp dụng của Hợp đồng này.

ĐIỀU 2. THÔNG TIN HÀNG HÓA MUA BÁN

- 2.1 Hàng hóa mua bán:
- a) Bên A đồng ý bán cho Bên B các Hàng hóa là các loại **Thép mang thương hiệu VAS** (sau đây gọi là Thép VAS/ VAS Steel), đáp ứng các tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) và/ hoặc tiêu chuẩn Mỹ (ASTM) và/ hoặc tiêu chuẩn Nhật Bản (JIS) và được sản xuất tại Nhà máy của Bên A và/ hoặc tại các Nhà máy được ủy quyền sản xuất (sau đây gọi chung là Nhà máy). Thông tin chi tiết của Hàng hóa được nêu tại Đơn đặt hàng/ Phụ lục đính kèm của Hợp đồng.
- 2.2 Khối lượng Hàng hóa mua bán:
- Tùy theo nhu cầu của Bên B và năng lực sản xuất của Bên A vào từng thời điểm cụ thể: Khối lượng Hàng hóa mua bán sẽ căn cứ vào Đơn đặt hàng của Bên B và có sự xác nhận của Bên A.
- 2.3 Giá bán Hàng hóa:
- Giá bán Hàng hóa sẽ được đề cập trong Phụ lục/ Thông báo chính sách bán hàng của Bên A có hiệu lực áp dụng vào từng thời điểm cụ thể.

ĐIỀU 3. ĐƠN ĐẶT HÀNG

- 3.1 Đơn đặt hàng:
- Khi có nhu cầu mua Hàng hóa, Bên B lập và gửi cho Bên A bản gốc Đơn đặt hàng có chữ ký và xác nhận hợp lệ của người đại diện Bên B.
- 3.2 Thông tin Đơn đặt hàng:
- a) Đơn đặt hàng phải ghi đầy đủ các thông tin theo mẫu của Bên A.
 - b) Các Đơn đặt hàng Bên B gửi qua fax, email phải có xác nhận của đại diện Bên B và phải được Bên A chấp thuận (bằng email/ văn bản) mới có hiệu lực. Đơn đặt hàng đã được Bên A chấp thuận sẽ có giá trị pháp lý tương tự như các văn bản gốc (Hợp đồng/ Phụ lục hợp đồng, ...).

ĐIỀU 4. PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG HÓA**4.1 Phương thức giao nhận Hàng hóa:**

- a) Hàng hóa được giao tại kho Bên A trên phương tiện vận chuyển của Bên B; hoặc tại kho Bên B trên phương tiện vận chuyển của Bên A, tùy thuộc vào thỏa thuận của các Bên vào từng thời điểm.
- b) Hàng hóa có thể được giao thành một (01) hoặc nhiều lần tùy theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các Bên;
- c) Đại diện giao nhận Hàng hóa giữa các Bên phải là người có tên trong thông báo/ văn bản đăng ký người giao dịch giữa Bên B và Bên A hoặc người được ủy quyền theo giấy ủy quyền của các Bên vào từng thời điểm.

4.2 Căn cứ xác định khối lượng Hàng hóa giao nhận làm cơ sở thanh toán:

- a) Đối với Hàng hóa là Thép thanh/ Thép cuộn:
 - (i) Thép thanh: Căn cứ theo trọng lượng được ghi trên Etiket của Nhà máy Bên A. Trường hợp trọng lượng theo Etiket lớn hơn trọng lượng theo barem công bố của Bên A, thì trọng lượng làm cơ sở xác định giá trị thanh toán được tính bằng trọng lượng theo Barem công bố của Bên A;
 - (ii) Thép cuộn: Căn cứ theo trọng lượng được ghi trên Etiket của Nhà máy Bên A; hoặc
 - (iii) Cách thức khác theo thỏa thuận của các Bên vào từng thời điểm.

4.3 Thông báo giao nhận Hàng hóa:

- a) Các Bên sẽ thông báo cho Bên còn lại trước ít nhất một (01) ngày về thông tin phương tiện vận chuyển, thời gian dự kiến đến địa điểm giao/ nhận Hàng hóa để Bên còn lại chuẩn bị;
- b) Các thông tin được cung cấp cho các Bên trước khi Hàng hóa được giao nhận tại kho Bên A hoặc Bên B, bao gồm:
 - (i) Thông tin phương tiện vận chuyển;
 - (ii) Thông tin của người nhận Hàng hóa;
 - (iii) Thông tin Công ty do Bên B chỉ định để thực hiện việc nhận Hàng hóa.

4.4 Biên bản giao nhận Hàng hóa:

Ngay sau khi kết thúc việc giao nhận Hàng hóa, các Bên sẽ tiến hành lập và ký kết Biên bản giao nhận Hàng hóa (theo mẫu của Bên A) để làm cơ sở cho việc thanh quyết toán, theo đó:

- a) Nếu Hàng hóa được giao trên phương tiện vận chuyển của Bên A tại kho Bên B: Đại diện bán hàng của Bên A và/ hoặc đại diện của Bên vận chuyển (đối tác của Bên A) và đại diện của Bên B sẽ trực tiếp ký kết Biên bản giao nhận ngay sau khi Bên B hoàn tất việc dỡ Hàng hóa xuống khỏi phương tiện.
- b) Nếu Hàng hóa được giao trên phương tiện vận chuyển của Bên B tại kho Bên A: Đại diện của Bên B và/ hoặc đại diện của Bên vận chuyển (đối tác của Bên B) và đại diện của Bên A sẽ trực tiếp ký kết Biên bản giao nhận ngay sau khi Bên A hoàn tất việc xếp Hàng hóa lên phương tiện.

4.5 Quyền sở hữu Hàng hóa: Thời điểm chuyển giao quyền sở hữu Hàng hóa là thời điểm các Bên hoàn thành nghĩa vụ giao/ nhận Hàng hóa (căn cứ theo Biên bản giao/ nhận Hàng hóa có chữ ký xác nhận của đại diện các Bên).**ĐIỀU 5. KHIẾU NẠI VÀ XỬ LÝ HÀNG HÓA KHÔNG ĐẠT CHẤT LƯỢNG**

Trường hợp ngay sau khi giao hàng, Bên B phát hiện lỗi của Hàng hóa (lỗi do sản xuất và/ hoặc do Bên A vận chuyển), việc xử lý các khiếu nại về Hàng hóa được thực hiện theo quy định sau:

- 5.1 Khiếu nại Hàng hóa không đạt chất lượng của Bên B (nếu có) sẽ được lập thành văn bản hoặc email để gửi cho Bên A trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày

- hoàn tất việc giao nhận Hàng hóa, ghi rõ và đầy đủ các thông tin về Hàng hóa không đạt chất lượng (đính kèm kết quả kiểm định của Quatest 3 hoặc cơ quan tương đương, nếu có).
- 5.2 Trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại về chất lượng Hàng hóa của Bên B, Bên A sẽ phản hồi việc tiếp nhận khiếu nại và tích cực tìm nguyên nhân, biện pháp xử lý hàng không đạt chất lượng cho Bên B.
- 5.3 Chi phí liên quan đến việc kiểm định Hàng hóa không đạt chất lượng sẽ do Bên A chi trả (nếu có).

ĐIỀU 6. THANH TOÁN

6.1 Phương thức thanh toán:

Chuyển khoản bằng tiền đồng Việt Nam (VND) theo thông tin tài khoản Bên A dưới đây hoặc tài khoản khác được Bên A chỉ định bằng văn bản. Phí chuyển khoản do Bên thanh toán chịu.

Tên đơn vị thụ hưởng	Số tài khoản	Ngân hàng
CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP NGHI SƠN	19199999888889	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN (Techcombank) - Chi nhánh TP.HCM
	111000075971	Ngân hàng TMCP Công Thương VN (Viettinbank) - Chi nhánh 7, TP.HCM

6.2 Thời hạn thanh toán:

Tùy thuộc vào sự thỏa thuận của các Bên theo từng Đơn đặt hàng và/ hoặc tùy thuộc chính sách bán hàng của Bên A trong từng thời kỳ. Việc thanh toán của Bên B sẽ được thực hiện theo một (01) trong các hình thức sau:

- Thanh toán trước khi giao Hàng: Bên B sẽ thanh toán cho Bên A 100% giá trị Hàng hóa theo Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng đã ký trước khi Bên A tiến hành giao Hàng hóa cho Bên B; hoặc
 - Thanh toán sau khi giao Hàng: Bên B sẽ thanh toán cho Bên A 100% giá trị Hàng hóa theo Hóa đơn/ Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng trong vòng **ba mươi (30)** ngày (tính liên tục) kể từ ngày Bên A hoàn tất việc giao Hàng hóa cho Bên B. Nếu ngày cuối cùng của hạn thanh toán rơi vào ngày nghỉ lễ, Tết hoặc ngày nghỉ hàng tuần của Ngân hàng (thứ Bảy và Chủ Nhật) thì ngày cuối cùng của hạn thanh toán là ngày làm việc đầu tiên liên kế sau đó; hoặc
 - Hình thức khác: Theo thỏa thuận của các Bên vào từng thời điểm.
- 6.3 Hồ sơ làm căn cứ quyết toán/ thanh toán:
- Đơn đặt hàng có xác nhận của đại diện các Bên ;
 - Biên bản giao nhận/ nghiệm thu Hàng hóa;
 - Hóa đơn giá trị gia tăng;
 - Phiếu căn hàng điện tử của Bên A/ Bên B (nếu có);
 - Giấy chứng nhận chất lượng Hàng hóa (nếu có);
 - Biên bản đối chiếu công nợ (nếu có);
 - Biên bản phạt vi phạm/ bồi thường (nếu có);
- 6.4 Bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán:
- Bên A đồng ý cấp cho Bên B một (01) hạn mức dư nợ giá trị Hàng hóa tối đa là: **tỷ đồng** (bao gồm: nợ trong hạn, quá hạn, tiền lãi phát sinh và các khoản nợ khác nếu có) phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, trong đó:
 - tỷ đồng** là hạn mức dư nợ có bảo lãnh của Ngân hàng; và

- (ii) **tỷ đồng** là hạn mức dư nợ tín chấp;
- b) Đối với hạn mức dư nợ có bảo lãnh Ngân hàng: Bên B cung cấp cho Bên A bản gốc Thư bảo lãnh thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang và có hiệu lực trong suốt thời gian hiệu lực của Hợp đồng này. Bên B có trách nhiệm gửi bản thảo Thư bảo lãnh để Bên A xem xét trước khi ban hành.
 - c) Đối với hạn mức dư nợ tín chấp: Hạn mức dư nợ chỉ được áp dụng sau khi Bên A đã nhận được bản gốc Thư bảo lãnh thanh toán nêu trên được phát hành hợp lệ bởi Ngân hàng bảo lãnh của Bên B.
 - d) Chi phí phát hành Thư bảo lãnh sẽ do Bên A chi trả (căn cứ biên lai/ hóa đơn tính chi phí phát hành Thư bảo lãnh từ Ngân hàng cung cấp cho Bên B).
 - e) Việc thanh toán của Bên B sẽ được thực hiện theo trình tự thời gian phát hành của các Hóa đơn của Bên A (các hóa đơn phát hành trước sẽ được thanh toán và/ hoặc bù trừ trước).
 - f) Vào ngày cuối cùng của tháng, Bên A sẽ tiến hành lập Biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ phát sinh trong tháng và gửi email/ văn bản cho Bên B chậm nhất vào ngày mười (10) của tháng kế tiếp. Trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày Bên A gửi Biên bản đối chiếu, Bên B có trách nhiệm xác nhận/ phản hồi số liệu cho Bên A. Quá thời hạn trên, nếu Bên B không có phản hồi về số liệu công nợ, thì được xem Bên B đồng ý với số liệu và Bên B có trách nhiệm thanh toán cho Bên A giá trị theo đúng số liệu tại Biên bản này.
- 6.5 Trường hợp Bên B thanh toán chậm sau khi đã nhận được chứng từ thanh toán hợp lệ hoặc dư nợ giá trị Hàng hóa vượt hạn mức tối đa được cấp thì ngay lập tức Bên A sẽ ngưng cung cấp Hàng hóa cho Bên B, đồng thời thì Bên B phải chịu khoản tiền lãi phát sinh do việc chậm thanh toán với mức lãi suất bằng bảy phẩy năm phần trăm một năm (7,5%/năm) của số tiền và số ngày chậm trả. Thời gian chậm thanh toán không quá mười (10) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán. Sau mười (10) ngày nếu Bên B vẫn chưa thanh toán thì Bên A có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ, bao gồm việc yêu cầu Ngân hàng bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán của Bên B thanh toán cho Bên A theo Thư bảo lãnh đã được phát hành.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 7.1 Nghĩa vụ của Bên A:
- a) Giao Hàng hóa đúng theo các nội dung đã được các Bên xác nhận trên Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng.
 - b) Xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Bên B theo đúng quy định.
 - c) Chịu trách nhiệm về thông tin và chất lượng Hàng hóa cung cấp cho Bên B theo tiêu chuẩn đã đăng ký.
 - d) Thanh toán trực tiếp các chi phí quảng bá thương hiệu **VAS Steel** đến khách hàng của Bên B và/ hoặc thanh toán cho Bên B chi phí quảng bá thương hiệu tại địa điểm kinh doanh của Bên B (bảng hiệu, bảng quảng cáo...) và/ hoặc chi phí của công việc do Bên B thực hiện theo yêu cầu của Bên A.
 - e) Cung cấp đúng và đầy đủ các chứng từ pháp lý, chứng chỉ chất lượng của Hàng hóa theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất đi kèm các Hàng hóa được giao nhận cho Bên B khi có yêu cầu.
- 7.2 Quyền của Bên A:
- a) Tạm ngưng cung cấp Hàng hóa cho Bên B khi Bên B vi phạm nghĩa vụ tại Hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng hoặc Đơn đặt hàng.
 - b) Từ chối tham gia giải quyết những vướng mắc khi Bên B không tuân thủ theo đúng các điều khoản được nêu trong Hợp đồng này.
 - c) Có quyền điều chỉnh hoặc tăng/ giảm các chính sách hỗ trợ, chiết khấu và đưa ra các mức phạt vi phạm và/ hoặc hủy Hợp đồng Đại lý/ Phân phối với

Bên B nêu Bên B bán Hàng hóa ngoài phạm vi khu vực phân phối, tiêu thụ mà chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.

ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B**8.1 Nghĩa vụ của Bên B:**

- a) Nhận Hàng hóa theo đúng thỏa thuận tại Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng.
- b) Bảo quản Hàng hóa sau khi nhận theo đúng yêu cầu kỹ thuật của Bên A.
- c) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận.
- d) Ký/ xác nhận các Biên bản xác nhận công nợ hàng tháng.
- e) Tích cực hợp tác cùng Bên A để đưa sản phẩm, thương hiệu **VAS Steel** đến người tiêu dùng thông qua hệ thống phân phối của Bên B.
- f) Tạo điều kiện cho Bên A (với chi phí của Bên A) lắp đặt bảng hiệu, bảng quảng cáo tại cửa hàng, kho bãi và công trình của Bên B.
- g) Cung cấp cho Bên A những thông tin trung thực của thị trường (tình hình tiêu thụ, biến động giá cả, lượng Hàng hóa tồn kho, các yêu cầu về chất lượng, dịch vụ ...).
- h) Liên hệ trực tiếp với Lãnh đạo cao nhất của Phòng kinh doanh hoặc Người được ủy quyền hợp pháp của Bên A nếu trong quá trình giao dịch gặp phải các khó khăn, vướng mắc.
- i) Người và phương tiện vận chuyển của Bên B khi đến nhận Hàng hóa tại Nhà máy Bên A phải trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định AT-VSLĐ và PCCC của Bên A. Trong trường hợp có sự bất đồng của các Bên, Bên A có quyền từ chối tiếp nhận phương tiện vào Nhà máy.
- j) Lái xe hoặc người nhận Hàng hóa của Bên B phải cẩn trọng, không gian lận hay có hành vi trộm cắp trong quá trình nhận Hàng hóa tại kho Bên A. Trong trường hợp các hành vi gian lận, trộm cắp hoặc làm hư hỏng tài sản của Bên A thì Bên A có quyền tạm giữ phương tiện và thông báo cho cơ quan chức năng có thẩm quyền để giải quyết.
- k) Không trao tiền mặt và/ hoặc phúc lợi khác dưới bất kỳ hình thức nào cho bất kỳ cá nhân/ tập thể nào của Bên A nhằm đạt được các thỏa thuận, trục lợi bất chính trong quá trình mua bán Hàng hóa. Các hành vi này được xem là hành vi hối lộ.
- l) Gửi thông tin ngay đến email: khoikiemtoan@vassteel.vn khi có bất kỳ cá nhân nào (là nhân viên Bên A/ nhân danh Bên A) đưa ra yêu cầu hoặc gợi ý hối lộ.

8.2 Quyền của Bên B:

- a) Được hưởng chiết khấu thanh toán với mức lãi suất chiết khấu bằng 7,5%/năm cho số tiền và số ngày thanh toán trước thời hạn tương ứng.
- b) Được hưởng đầy đủ quyền lợi về chính sách giá, chính sách bán hàng, chiết khấu, chương trình ưu đãi, kích thích tiêu thụ, ... do Bên A thông báo trong suốt thời gian Hợp đồng còn hiệu lực.
- c) Được quyền từ chối nhận Hàng hóa khi Bên A giao Hàng hóa không đúng tiêu chuẩn, yêu cầu.
- d) Được Bên A chi trả các chi phí về quảng cáo, tiếp thị sản phẩm, thương hiệu **VAS Steel** hoặc các quyền lợi khác theo sự thỏa thuận (nếu có).

ĐIỀU 9. VI PHẠM VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- 9.1 Vi phạm Hợp đồng: Là trường hợp một trong các Bên có hành vi vi phạm các điều khoản, nghĩa vụ tại Hợp đồng/ Phụ lục hoặc không đáp ứng được các điều kiện đảm bảo việc thực hiện Hợp đồng, trừ khi Bên vi phạm do Sự Kiện Bất Khả

Kháng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết để chấn chỉnh và đã khắc phục vi phạm đó trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng.

- 9.2 Phạt vi phạm Hợp đồng: Nếu Bên vi phạm Hợp đồng không chấm dứt ngay hành vi vi phạm và/ hoặc không khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm trong thời hạn được nêu ở thông báo của Bên bị vi phạm, thì Bên vi phạm, ngoài nghĩa vụ bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên kia, còn bị phạt vi phạm Hợp đồng bằng tám phần trăm (08%) giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.

ĐIỀU 10. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

10.1 Hiệu lực:

- a) Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày hai Bên ký kết đến hết ngày **31/12/2021**.
- b) Trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày hết hạn hiệu lực, các Bên sẽ cùng tiến hành đàm phán, thỏa thuận để gia hạn Hợp đồng hoặc ký kết Hợp đồng mới. Trường hợp các Bên không đạt được thỏa thuận gia hạn/ ký mới thì Hợp đồng sẽ hết hiệu lực và tự động thanh lý sau khi các Bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định tại Hợp đồng và Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng phát sinh.
- c) Bất kỳ điều khoản nào hoặc việc áp dụng bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng bị vô hiệu hoặc không thể thi hành sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp pháp hoặc hiệu lực của các điều khoản còn lại. Các Bên sau đó sẽ nỗ lực để thay thế điều khoản bị vô hiệu hoặc không thể thi hành bằng một điều khoản khác có giá trị tương tự miễn là thỏa thuận đó không trái pháp luật.

10.2 Chấm dứt Hợp đồng:

Khi có một trong các yếu tố dưới đây xảy ra, các Bên có quyền chấm dứt Hợp đồng này bằng cách gửi thông báo bằng email/ fax/ văn bản bằng thư bảo đảm hoặc giao trực tiếp cho Bên kia về lý do chấm dứt trước khi chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên, ngay cả khi Hợp đồng này bị chấm dứt thì các Đơn đặt hàng, việc giao hàng, thanh toán hoặc các nghĩa vụ khác đã được các Bên thỏa thuận trước ngày Hợp đồng này chấm dứt sẽ tiếp tục có hiệu lực và ràng buộc các Bên:

- a) Theo thỏa thuận của các Bên vào từng thời điểm;
- b) Khi một bên vi phạm các điều khoản của Hợp đồng này và/ hoặc Phụ lục mà không khắc phục/ khắc phục không hoàn toàn vi phạm đó trong thời gian ấn định theo thông báo của Bên bị vi phạm;
- c) Khi một bên bị Tòa án kê biên, phong tỏa tài sản hoặc biện pháp khẩn cấp tạm thời khác mà làm cho bên đó không còn năng lực thực hiện Hợp đồng;
- d) Khi một bên đang trong quá trình thanh lý, giải thể, phá sản, hoặc có nguy cơ phải tiến hành bất kỳ thủ tục tố tụng thanh lý hoặc giải thể nào;
- e) Khi một bên chấm dứt hoạt động kinh doanh, hoặc phạm vi hoạt động không gồm các hạng mục có các nghĩa vụ được quy định trong Hợp đồng này;
- f) Những trường hợp khác được phép chấm dứt quy định tại Hợp đồng này.

ĐIỀU 11. BẤT KHẢ KHÁNG

- 11.1 Bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên, khiến một/ các Bên không thể thực hiện nghĩa vụ/ chậm trễ thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng như: động đất, bão lũ, lụt, lở, sóng thần, lũ đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh,... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- 11.2 Trách nhiệm của các Bên khi gặp sự kiện bất khả kháng: Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện Bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để Bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- a) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

- b) Thông báo ngay cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng bảy (07) ngày sau khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng.

- 11.3 Nếu Bất khả kháng tiếp diễn trong thời kỳ liên tục vượt quá ba mươi (30) ngày, hai Bên sẽ thỏa thuận trong thời gian sớm nhất về việc tiếp tục thực hiện hoặc hủy bỏ Hợp đồng mà hai bên đều không có bất cứ khiếu nại nào đối với nhau.

ĐIỀU 12. THÔNG BÁO VÀ LIÊN LẠC

- 12.1 Thông báo với Bên còn lại phải được thể hiện dưới dạng email/ văn bản và phải được chuyển: (i) trao tận tay, hoặc (ii) gửi đảm bảo qua các công ty vận chuyển thư tin, hoặc (iii) thư điện tử (email) đến địa chỉ của Bên đó theo Hợp đồng.
- 12.2 Địa chỉ nhận Thông báo các Bên là địa chỉ tại phần đầu của Hợp đồng hoặc địa chỉ khác do các Bên thông báo bằng văn bản cho Bên kia theo từng thời gian.
- 12.3 Các thông báo được coi là đã nhận vào ngày thông báo đó (i) được chuyển tận tay và có chữ ký xác nhận của bên nhận, hoặc (ii) được gửi bằng email.
- 12.4 Các Bên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại cùng với các tài liệu kèm theo trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi xảy ra mọi thay đổi làm ảnh hưởng đến việc thi hành các điều khoản của Hợp đồng này như: thay đổi tên, địa chỉ, người đại diện, loại hình doanh nghiệp; văn phòng giao dịch, người phụ trách.

ĐIỀU 13. BẢO MẬT THÔNG TIN

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên cam kết thực hiện những nội dung sau:

- 13.1 Bảo mật thông tin của các Bên khi được Bên còn lại giao để triển khai Hợp đồng.
- 13.2 Không sử dụng, sao chép hay tạo mới các công việc hay Hàng hóa dựa trên các thông tin này vì mục đích khác ngoài phạm vi công việc theo Hợp đồng.
- 13.3 Không cung cấp Thông tin bảo mật cho bất kỳ ai hoặc Bên thứ ba khác biết khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên có quyền sở hữu với Thông tin bảo mật ngoại trừ việc cung cấp theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 13.4 Cam kết không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của nhau trong quá trình thực hiện Hợp đồng liên quan theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 14. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 14.1 Các hoạt động liên quan đến việc mua bán Hàng hóa theo Hợp đồng này được ưu tiên áp dụng và điều chỉnh theo Luật thương mại Việt Nam hiện hành.
- 14.2 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có phát sinh tranh chấp thì hai bên cùng thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác và cùng có lợi. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng thì sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết. Mọi phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà các Bên phải tuân thủ. Bên thua sẽ phải chịu mọi án phí, bao gồm cả chi phí Luật sư của bên thắng và khoản phạt/ bồi thường theo phán quyết của Tòa án.

ĐIỀU 15. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 15.1 Bất cứ sửa đổi/ bổ sung nào đối với Hợp Đồng này đều phải lập thành văn bản, được đại diện có thẩm quyền của các Bên ký tên, đóng dấu mới có hiệu lực.
- 15.2 Các Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng phát sinh sau đó theo từng thời điểm là một phần không tách rời của Hợp đồng này. Điều khoản nào trong Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng mâu thuẫn với các điều khoản trong Hợp đồng này thì các điều khoản tại Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 15.3 Không điều gì trong Hợp đồng này được hiểu là một Bên làm đại diện của Bên còn lại và không Bên nào có thẩm quyền ràng buộc Bên kia hoặc ký kết Hợp đồng dưới tên của Bên kia hoặc tạo ra trách nhiệm cho Bên kia bằng bất cứ cách thức nào.

- 15.4 Không có bất kỳ sự miễn trừ của một Bên nào về quyền lợi, chế tài theo Hợp đồng này có hiệu lực, trừ khi miễn trừ đó được lập thành văn bản và được các Bên ký kết. Việc một Bên chưa thực hiện hoặc chậm trễ thực hiện một quyền hay áp dụng biện pháp chế tài theo Hợp đồng này sẽ không có nghĩa là Bên đó đã khước từ quyền của mình.
- 15.5 Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của một Bên, Bên còn lại không được chuyển nhượng, chuyển giao hoặc thế chấp một phần hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ nào của Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm.
- 15.6 Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ hai (02) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



[Signature]
Huỳnh Thị Quỳnh Thu

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



[Signature]
Đào Đình Đông

LEGAL REVIEWED
By: *[Signature]*

CÁC ĐỐI TÁC TIÊU BIỂU

MAJOR PARTNER

